

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10 tháng 02 năm 2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên, bà Nguyễn Thị Nhàn

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 219/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Yên Dũng (nay là thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. (có đơn xin vắng mặt)

+ *Bị đơn:* Anh Chương Đình M, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn S, xã T, huyện Yên Dũng (nay là thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Chương Đình M kết hôn năm 1994, tuy nhiên do thời gian lâu chị làm mất giấy đăng ký kết hôn, đến ngày 05/4/2021 chị và

anh M mới đi đăng ký kết hôn lại tại UBND xã T. Trước khi cưới, anh chị được tự do tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Cưới xong vợ chồng chị về chung sống ở tại thôn S, xã T, huyện Yên Dũng. Vợ chồng chung sống hoà thuận nhiều năm từ khi kết hôn đến tháng 12/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh M không chịu làm ăn, chỉ chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà lại chửi bới vợ con và đánh đuổi chị đi nhiều lần. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh M nhiều lần nhưng anh M không thay đổi mà vẫn chứng nào tật ấy, mọi việc kinh tế trong gia đình đều do chị lo liệu. Do vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho chị và anh Chương Đình M.

- Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Trương Đình V, sinh ngày 01/4/1994 và Trương Đình T, sinh ngày 15/9/1996. Hiện nay các con đều đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị đã tự thỏa thuận nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Chương Đình M trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị P lấy nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1994, tuy nhiên do mất giấy đăng ký kết hôn nên đến ngày 05/4/2021 đi đăng ký kết hôn lại tại UBND xã T. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách trong cuộc sống hằng ngày, không ai chịu nghe ai nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân một thời gian, sau đó dàn xếp lại về ở với nhau nhưng không quan tâm gì đến nhau mà chỉ sống vì các con. Đến năm 2022 vợ chồng hòa thuận được nên đã sống ly thân từ đó đến nay, chị P bỏ về nhà mẹ đẻ sống. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục sống với nhau được nên chị P xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị P có 02 con chung là Trương Đình V, sinh ngày 01/4/1994 và Trương Đình T, sinh ngày 15/9/1996. Hiện nay các con đều đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định không có, không đề nghị giải quyết.

Tài liệu chứng cứ thu thập được:

+ Tại biên bản xác minh ngày 12/12/2024, ông Nguyễn Quang L là trưởng thôn S cung cấp: Anh M và chị P kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1994, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không hợp nhau trong việc làm ăn kinh tế và cuộc sống sinh hoạt hằng ngày nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh M cũng thường hay uống rượu về lại chửi, đánh vợ con, đã nhiều lần gia đình dàn xếp nhưng không có kết quả nên chị P cùng các con về sống cùng mẹ đẻ từ năm 2022 cho đến nay. Thực tế mâu thuẫn giữa chị P và anh M đã rất trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ. Nay chị P xin ly hôn, anh Mén đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết xem xét giải quyết ly hôn cho chị P và anh M. Về con chung, chị P và anh M có 02 con chung, các con đều đã trưởng thành. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chị P và anh M có gì thì ông không biết.

+ Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M vắng mặt nên các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

+ Ngày 24/01/2025, Tòa án mở phiên tòa nhưng anh M vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh M tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành nhưng không đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P và xử cho chị P được ly hôn anh Chương Đình M. Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn cho chị và anh Chương Đình M nên cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Chương Đình M sinh sống và cư trú trên địa bàn xã T, huyện Yên Dũng (nay là thành phố Bắc Giang). Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng (nay là Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Chương Đình M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị P và anh M là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo như lời khai của chị P và anh M thì anh chị kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1994, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, trước khi cưới hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nhưng do thời gian lâu nên bị mất. Tuy nhiên ngoài lời khai ra thì không có tài liệu, chứng nào việc chị P, anh M kết hôn năm 1994. Theo Trích lục kết hôn số 498/TLKH-BS ngày 28/10/2024 thể hiện chị P và anh M đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Yên Dũng ngày 05/4/2021 và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị P và anh M được coi là hôn nhân hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn và là hôn nhân tự nguyện, có đủ điều kiện kết

hôn, không vi phạm điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Theo chị P vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 nguyên nhân là do anh M không chịu làm ăn, chỉ chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu say xỉn về đánh chửi vợ con, việc kinh tế trong gia đình đều do chị đứng ra lo liệu. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh M không thay đổi mà vẫn chứng nào tật ấy, do vậy mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, căng thẳng, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh M. Còn anh M xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010, đến năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách trong cuộc sống hằng ngày nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 và không còn quan tâm gì đến nhau, không còn khả năng đoàn tụ, chị P xin ly hôn anh đồng ý. Hội đồng xét xử thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P là có cơ sở chấp nhận. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị P và anh M có 02 con chung là Trương Đình V, sinh năm 1994 và Trương Đình T, sinh năm 1996. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, chị P và anh M đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P và anh M đều không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Chương Đình M.

2.2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005424 ngày 14/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP.Bắc Giang.
- CCTHADS huyện Yên Dũng
(nay là CCTHADS TP.Bắc Giang);
- UBND xã T, TP.Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thủy

